

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề.

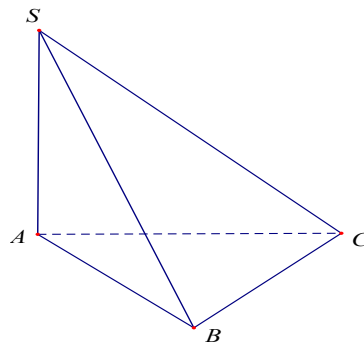
Mã đề: 101

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (3 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án (mỗi câu đúng được 0,25 điểm).

Câu 1. Một chiếc xe máy có hai động cơ I và II hoạt động độc lập. Xác suất để động cơ I và động cơ II bị hỏng lần lượt là 0,4 và 0,2. Xe chạy được khi cả hai động cơ không bị hỏng. Tính xác suất để chiếc xe chạy được.

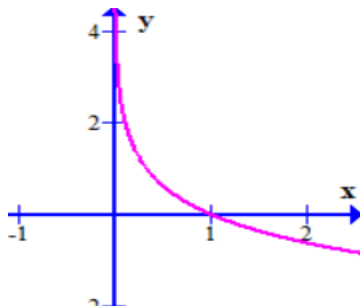
- A. 0,52 B. 0,8 C. 0,48 D. 0,6

Câu 2. Cho hình chóp $S.ABC$ có $SA \perp (ABC)$. Xác định góc giữa đường thẳng SB và mặt phẳng (ABC) .

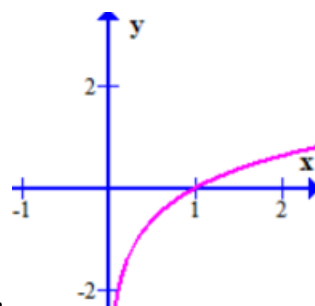


- A. $\widehat{SAC}$. B. $\widehat{SCA}$. C. $\widehat{BCA}$. D. $\widehat{SBA}$.

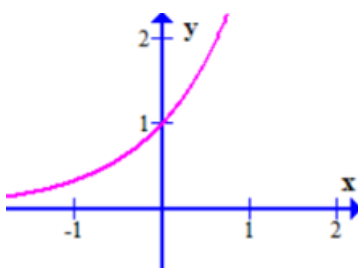
Câu 3. Đồ thị nào sau đây là đồ thị của hàm số $y = 3^x$



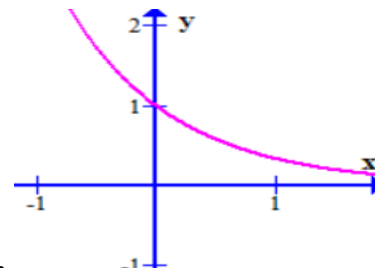
A.



B.



C.



D.

Câu 4. Cho mẫu số liệu ghép nhóm thống kê thời gian sử dụng điện thoại trước khi ngủ (đơn vị: phút) của một người trong 120 ngày như ở bảng sau:

Nhóm	$[0;4)$	$[4;8)$	$[8;12)$	$[12;16)$	$[16;20)$
Tần số	13	29	48	22	8

Số trung bình của mẫu số liệu trên thuộc khoảng nào trong các khoảng dưới đây?

- A. $[4; 8)$. B. $[16; 20)$. C. $[8; 12)$. D. $[12; 16)$.

Câu 5. Gieo một xúc xắc cân đối và đồng chất hai lần liên tiếp. Xét các biến cố:

A : “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số lẻ”

B : “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số lẻ”

Chọn phát biểu đúng trong những phát biểu sau đây:

- A. Biến cố hợp của hai biến cố A và B là “Tích số chấm xuất hiện ở lần gieo là số chẵn”.
 B. Biến cố hợp của hai biến cố A và B là “Tích số chấm xuất hiện ở lần gieo là số lẻ”.
 C. Biến cố hợp của hai biến cố A và B là “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số lẻ và số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số lẻ”.
 D. Biến cố hợp của hai biến cố A và B là “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số lẻ hoặc số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số lẻ”.

Câu 6. Với số thực a, b sao cho $a > 0, a \neq 1, b > 0$ và $n \in \mathbb{N}^*$ thì $\log_{a^n} b$ bằng

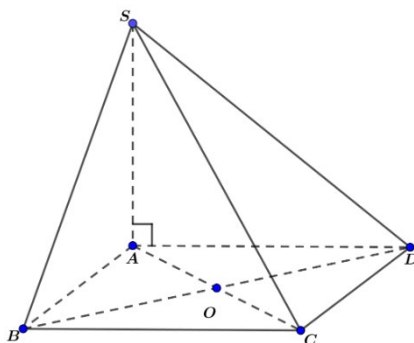
- A. $\frac{1}{n} \log_a b$. B. $n \log_a b$. C. $\frac{b}{a^n}$. D. $\log_a b$.

Câu 7. Xét các biến cố A và B liên quan đến cùng phép thử thoả mãn

$P(A) = 0,4, P(A \cup B) = 0,7$. Biết A, B là hai biến cố xung khắc, thì $P(B)$ bằng:

- A. 0,3. B. 0,72. C. 0,6. D. 0,28.

Câu 8. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông, cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng $(ABCD)$. Hãy chọn khẳng định đúng.



- A. $BC \perp (SCD)$. B. $AC \perp (SBD)$. C. $BC \perp (SAC)$. D. $CD \perp (SAD)$.

Câu 9. Một chất điểm chuyển động theo phương trình $s(t) = t^3 - 4t^2 + 6t + 1$, trong đó $t > 0$,

t tính bằng giây và $s(t)$ tính bằng mét. Vận tốc tức thời của chất điểm tại thời điểm $t = 4$ giây là

- A. 18 m/s . B. 16 m/s . C. 22 m/s . D. 20 m/s .

Câu 10. Khi thống kê chiều cao của 45 bạn lớp 11A, ta thu được mẫu số liệu ghép nhóm được cho ở bảng sau (đơn vị: centimét).

Nhóm	$[155;160)$	$[160;165)$	$[165;170)$	$[170;175)$	$[175;180)$
------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

Tần số	2	5	12	16	10
---------------	---	---	----	----	----

Giá trị đại diện của nhóm $[165;170)$ là:

- A. 165. B. 167,5. C. 5. D. 170.

Câu 11. Khẳng định nào sau đây là khẳng định sai?

- A. $(x^{10})' = 10x^9$. B. $(e^x)' = e^x$. C. $(5x)' = 5$. D. $(\cos x)' = \sin x$.

Câu 12. Khảo sát kết quả kiểm tra môn Toán của lớp 11B, ta thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Nhóm	$[3;5)$	$[5;7)$	$[7;9)$	$[9;11)$
Tần số	5	18	10	7

Tìm một của mẫu số liệu trên (làm tròn kết quả đến hàng phần mười).

- A. 6,2. B. 6,3. C. 6,1. D. 6,0.

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai (mỗi ý đúng được 0,25 điểm).

Câu 1: Cho hàm số $y = \frac{x+3}{x-1}$ có đồ thị (C). Các mệnh đề sau đúng hay sai?

a) Tập xác định của hàm số đã cho là $R \setminus \{1\}$.

b) $y' = \frac{4}{(x-1)^2}$ với mọi $x \neq 1$.

c) Hệ số góc của tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm có hoành độ $x = 2$ là $k = -4$.

d) Gọi A, B là hai điểm phân biệt trên đồ thị (C) sao cho các tiếp tuyến của (C) tại A và B song song với đường thẳng $(d): y = -4x + 15$. Khi đó $AB = 2\sqrt{17}$.

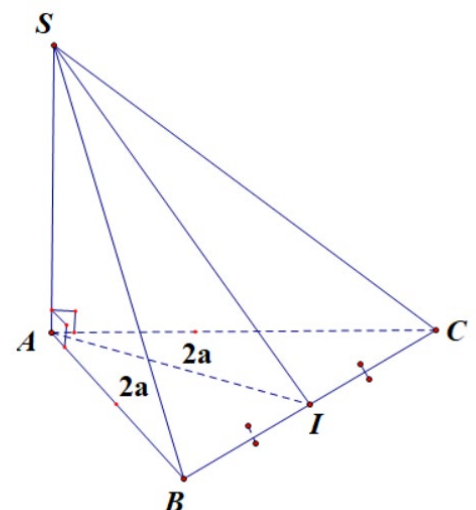
Câu 2: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại A , $AC = 2a$, SA vuông góc với đáy, $SA = a\sqrt{3}$, I là trung điểm BC . Xét tính đúng - sai của mỗi khẳng định sau:

a) Chiều cao hình chóp là $a\sqrt{3}$.

b) $(SBC) \perp (SAI)$

c) $V_{S.ABC} = \frac{2a^3\sqrt{6}}{3}$

d) Số đo góc nhị diện $[S, BC, A]$ bằng 30°



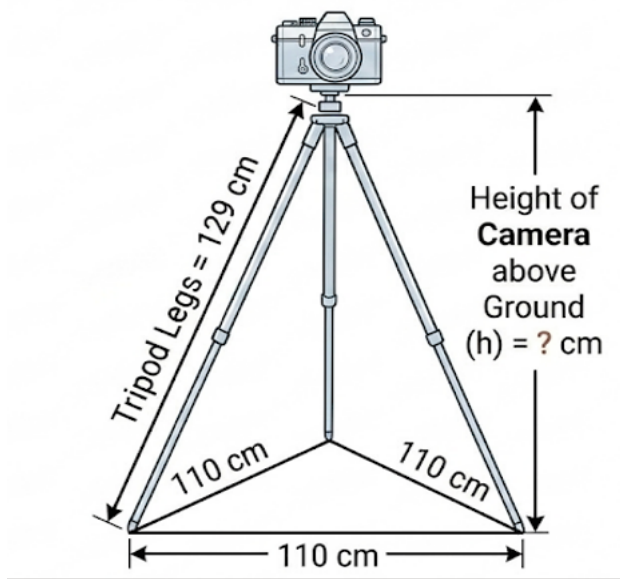
PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN (2 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. (mỗi câu đúng được 0,5 điểm).

Câu 1. Tổng các nghiệm của phương trình $3^{x^2-2x} = 27$ bằng bao nhiêu?

Câu 2. Cho a, b là các số thực dương thỏa mãn $a^3 = 5b$. Giá trị của biểu thức $S = \frac{3\ln a - \ln b - \ln 5 + 1}{4}$ bằng bao nhiêu?

Câu 3. Một hộp chứa 12 quả cầu có cùng kích thước và khối lượng. Trong đó có 5 quả cầu màu xanh, có 7 quả cầu màu vàng. Lấy ngẫu nhiên 2 quả cầu từ hộp. Tính xác suất để 2 quả cầu được lấy ra cùng màu (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 4: Giá đỡ ba chân của 1 máy chụp ảnh ở hình bên đang được mở sao cho ba gốc chân cách đều nhau 1 khoảng bằng 110cm, các chân giá đỡ dài 129cm. Bạn Thành để máy ảnh trên giá đỡ để chụp ảnh hỏi khi đó máy ảnh cách mặt đất bao nhiêu cm? (kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)



PHẦN IV. TỰ LUẬN (3 điểm)

Bài 1:

1) Tính đạo hàm của hàm số $y = x^4 + \sqrt{3x+1}$.

2) Cho hàm số $y = x^2 - 3x + 5$ có đồ thị (C). Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm $M(2;3)$.

Bài 2: Giải phương trình sau: $\log_6(2x+3) - 1 = 0$.

Bài 3: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật với $AB = a\sqrt{3}$, $AD = a$. Cạnh $SA = a$ và vuông góc với mặt đáy ($ABCD$).

a) Tính Thể tích khối chóp $S.ABCD$.

b) Tính góc tạo bởi đường thẳng SB và mặt phẳng ($ABCD$).

c) Gọi G là trọng tâm tam giác SBC , tính khoảng cách từ G đến mặt phẳng (SBD).

----- HẾT -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề.

Mã đề: 102

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (3 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án (mỗi câu đúng được 0,25 điểm).

Câu 1. Khi thống kê chiều cao của 45 bạn lớp 11A, ta thu được mẫu số liệu ghép nhóm được cho ở bảng sau (đơn vị: centimét).

Nhóm	[155;160)	[160;165)	[165;170)	[170;175)	[175;180)
Tần số	2	5	12	16	10

Giá trị đại diện của nhóm [160;165) là:

- A. 165. B. 160. C. 5. D. 162,5.

Câu 2. Một chiếc xe máy có hai động cơ I và II hoạt động độc lập. Xác suất để động cơ I và động cơ II bị hỏng lần lượt là 0,3 và 0,2. Xe chạy được khi cả hai động cơ không bị hỏng. Tính xác suất để chiếc xe chạy được.

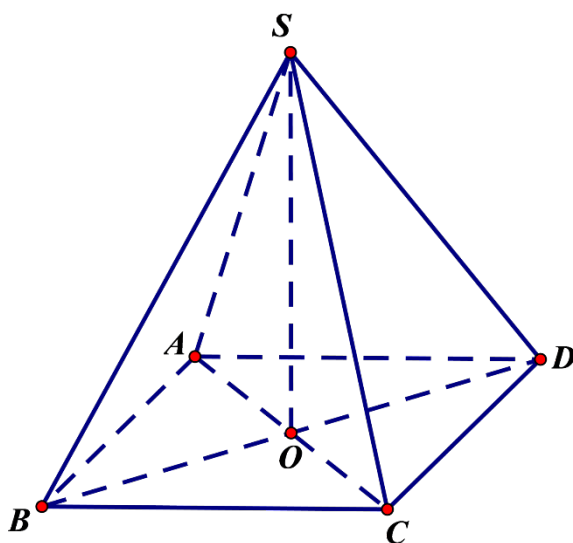
- A. 0,6 B. 0,7 C. 0,44 D. 0,56

Câu 3. Xét các biến cố A và B liên quan đến cùng phép thử thoả mãn

$P(A) = 0,3, P(A \cup B) = 0,8$. Biết A, B là hai biến cố xung khắc, thì $P(B)$ bằng:

- A. 0,24. B. 0,7. C. 0,5. D. 0,76.

Câu 4. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành tâm O và $SA = SC, SB = SD$.



Mệnh đề nào sau đây **sai**?

- A. $(SAC) \perp (ABCD)$. B. $(SAC) \perp (SBD)$. C. $(SBD) \perp (ABCD)$. D. $SO \perp (ABCD)$.

Câu 5. Khảo sát kết quả kiểm tra môn Toán của lớp 11B, ta thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Nhóm	[2;4)	[4;6)	[6;8)	[8;10)
Tần số	7	10	15	8

Tìm một của mẫu số liệu trên (làm tròn kết quả đến hàng phần mười).

- A. 6,9. B. 6,4. C. 7,0. D. 6,8.

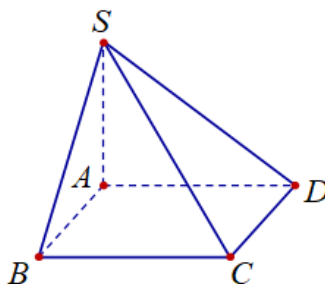
Câu 6. Với số thực a, b sao cho $a > 0, a \neq 1, b > 0$ và $n \in \mathbb{N}^*$ thì $\log_a b^n$ bằng

- A. $n \log_a b$. B. $\frac{b}{a^n}$. C. $\log_a b$. D. $\frac{1}{n} \log_a b$.

Câu 7. Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

- A. $(x^{10})' = 10x$. B. $(7x)' = 7$. C. $(\sin x)' = -\cos x$. D. $(2^x)' = 2^{x-1}$.

Câu 8. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật, $SA \perp (ABCD)$ (tham khảo hình vẽ). Góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng $(ABCD)$ là

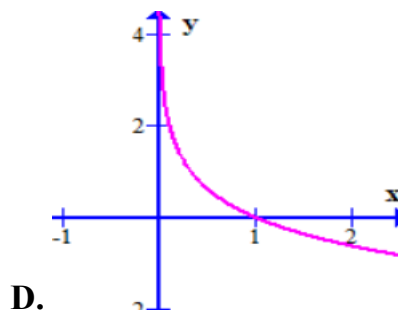
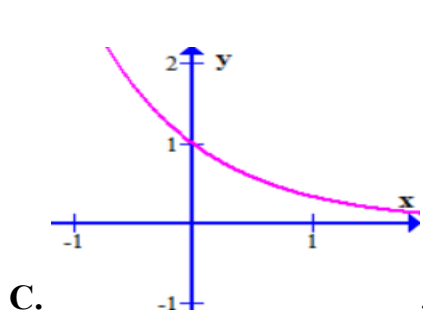
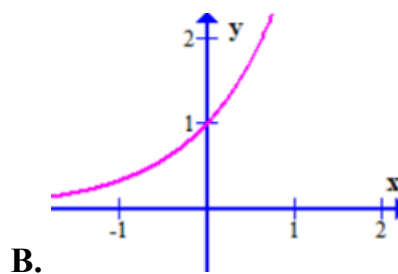
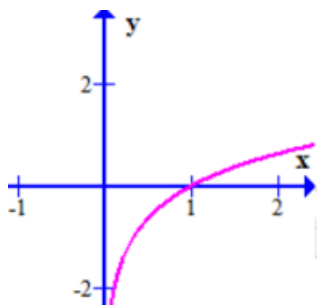


- A. $\widehat{SAC}$. B. $\widehat{CSA}$. C. $\widehat{SCA}$. D. $\widehat{SCB}$.

Câu 9. Một chất điểm chuyển động theo phương trình $s(t) = t^3 - 3t^2 + 8t + 2$, trong đó $t > 0$, t tính bằng giây và $s(t)$ tính bằng mét. Vận tốc tức thời của chất điểm tại thời điểm $t = 3$ giây là

- A. 17 m/s . B. 19 m/s . C. 21 m/s . D. 20 m/s .

Câu 10. Đồ thị nào sau đây là đồ thị của hàm số $y = \log_3 x$



Câu 11. Cho mẫu số liệu ghép nhóm thống kê thời gian sử dụng điện thoại trước khi ngủ (đơn vị: phút) của một người trong 120 ngày như ở bảng sau:

Nhóm	[0;5)	[5;10)	[10;15)	[15;20)	[20;25)
Tần số	13	29	48	22	8

Số trung bình của mẫu số liệu trên thuộc khoảng nào trong các khoảng dưới đây?

- A. [10; 15). B. [5; 10). C. [15; 20). D. [20; 25).

Câu 12. Gieo một xúc xắc cân đối và đồng chất hai lần liên tiếp. Xét các biến cố:

A : “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số chẵn”

B : “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số chẵn”

Chọn phát biểu đúng trong những phát biểu sau đây:

- A. Biến cố giao của hai biến cố A và B là “Tích số chấm xuất hiện ở lần gieo là số lẻ”.
 B. Biến cố giao của hai biến cố A và B là “Tổng số chấm xuất hiện ở lần gieo là số lẻ”.
 C. Biến cố giao của hai biến cố A và B là “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số chẵn và số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số chẵn”.
 D. Biến cố giao của hai biến cố A và B là “Số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ nhất là số chẵn hoặc số chấm xuất hiện ở lần gieo thứ hai là số chẵn”.

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai (mỗi ý đúng được 0,25 điểm).

Câu 1: Cho hàm số $y = \frac{x+1}{x-2}$ có đồ thị (C). Các mệnh đề sau đúng hay sai?

- a) Tập xác định của hàm số đã cho là $R \setminus \{-2\}$.
 b) $y' = \frac{-3}{(x-2)^2}$ với mọi $x \neq 2$.
 c) Hệ số góc của tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm có hoành độ $x=3$ là $k=-3$.
 d) Gọi A, B là hai điểm phân biệt trên đồ thị (C) sao cho các tiếp tuyến của (C) tại A và B song song với đường thẳng $(d): y = -3x + 12$. Khi đó $AB = 2\sqrt{10}$.

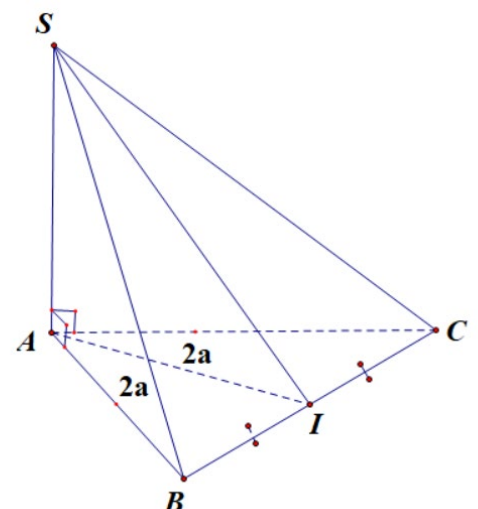
Câu 2: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại A , $AC = 2a$, SA vuông góc với đáy, $SA = a\sqrt{6}$, I là trung điểm BC . Xét tính đúng - sai của mỗi khẳng định sau:

a) Chiều cao hình chóp là $2a$.

b) $V_{S.ABC} = \frac{2a^3\sqrt{6}}{3}$

c) $(SBC) \perp (SAI)$.

d) Số đo góc nhị diện $[S, BC, A]$ bằng 60°



PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN (2 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. (mỗi câu đúng được 0,5 điểm).

Câu 1. Tổng các nghiệm của phương trình $3^{x^2+3x} = 81$ bằng bao nhiêu?

Câu 2. Cho a, b là các số thực dương thỏa mãn $a^4 = 5b$. Giá trị của biểu thức $S = \frac{4 \ln a - \ln b - \ln 5 + 3}{4}$ bằng bao nhiêu?

Câu 3. Một hộp chứa 15 quả cầu có cùng kích thước và khối lượng. Trong đó có 6 quả cầu màu xanh, có 9 quả cầu màu vàng. Lấy ngẫu nhiên 2 quả cầu từ hộp. Tính xác suất để 2 quả cầu được lấy ra cùng màu (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 4: Một nhóm bạn tổ chức cắm trại ngoài trời và mang theo một chiếc lều có dạng hình chóp tứ giác đều có cạnh đáy bằng 4 m . Góc tạo bởi cạnh bên lều trại và mặt đáy bằng 60° .

Hãy cho biết nhóm bạn phải chọn cây tre dài bao nhiêu mét để làm cọc chính giữa cho túp lều? biết rằng phần dư phía trên dùng để buộc các nút cố định dây lều dài $0,1\text{m}$. (kết quả làm tròn đến hàng phần chục)



PHẦN IV. TỰ LUẬN (3 điểm)

Bài 1:

1) Tính đạo hàm của hàm số $y = x^5 + \sqrt{7x-2}$.

2) Cho hàm số $y = x^2 - 4x - 1$ có đồ thị (C). Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm $M(1; -4)$.

Bài 2: Giải phương trình sau: $\log_2(3x+2) - 2 = 0$.

Bài 3: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật với $AB = a\sqrt{3}$, $AD = a$. Cạnh $SA = a\sqrt{3}$ và vuông góc với mặt đáy ($ABCD$).

a) Tính Thể tích khối chóp $S.ABCD$.

b) Tính góc tạo bởi đường thẳng SD và mặt phẳng ($ABCD$).

c) Gọi G là trọng tâm tam giác SCD , tính khoảng cách từ G đến mặt phẳng (SBD).

----- HẾT -----

22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	1a	1b	1c	1d
																			D	S	D	D
																			S	D	D	D
																			D	S	D	D
																			D	S	D	D

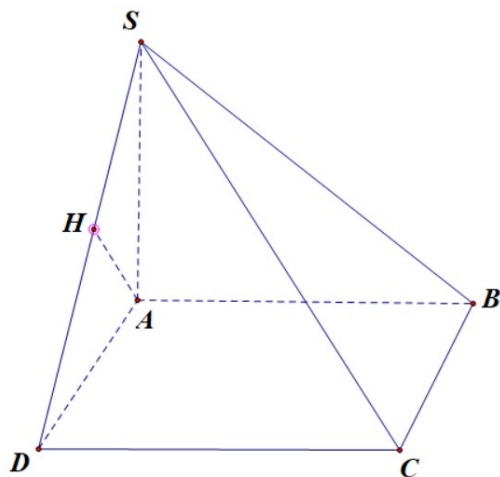
[illegible]

7d	8a	8b	8c	8d	1	2	3	4	5	6
					2	0,25	0,47	112		
					-3	0,75	0,49	5,0		
					2	0,47	0,25	112		
					-3	0,49	0,75	5,0		

ĐÁP ÁN TỰ LUẬN

MÃ ĐỀ :101+103

Bài	NỘI DUNG	Điểm
1 (1Đ)	Bài 1: a) Tính đạo hàm của hàm số $y = x^4 + \sqrt{3x+1}$. b) Cho hàm số $y = x^2 - 3x + 5$ có đồ thị (C). Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm $M(2;3)$.	
	Giải: a) Ta có : $y' = 4x^3 + \frac{3}{2\sqrt{3x+1}}$ b) Ta có : $y' = 2x - 3 \Rightarrow y'(2) = 1$. PT tiếp tuyến cần tìm là: $y = 1(x - 2) + 3 = x + 1$	0,25*2 0,25*2
2 (0,5Đ)	Bài 2: Giải phương trình sau: $\log_6(2x + 3) - 1 = 0$.	
	Ta có: $\log_6(2x + 3) = 1 \Leftrightarrow 2x + 3 = 6$ $\Leftrightarrow x = \frac{3}{2}$.	0,25 0,25
3 1đ	Bài 3: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật với $AB = a\sqrt{3}$, $AD = a$. Cạnh $SA = a$ và vuông góc với mặt đáy $(ABCD)$. a) Tính Thể tích khối chóp $S.ABCD$. b) Tính góc tạo bởi đường thẳng SB và mặt phẳng $(ABCD)$. c) Gọi G là trọng tâm tam giác SBC , tính khoảng cách từ G đến mặt phẳng (SBD) .	



a) Ta có $SA \perp (ABCD)$

Thể tích khối chóp $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} SA \cdot S_{ABCD} = \frac{1}{3} a \cdot a \cdot a\sqrt{3} = \frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

(0,25*2)

b) Ta có $SA \perp (ABCD)$ nên hình chiếu của SB lên $(ABCD)$ là AB.

Góc tạo bởi SB và mặt phẳng $(ABCD)$ là SB lên mặt phẳng $\widehat{SBA}$.

$$\tan \widehat{SBA} = \frac{SA}{AB} = \frac{\sqrt{3}}{3} \rightarrow \widehat{SBA} = 30^\circ.$$

0,25

0,25

c) Ta có: $V_{C.SBD} = V_{S.BCD} = \frac{1}{2} V_{S.ABCD} = \frac{1}{2} \cdot \frac{a^3\sqrt{3}}{3} = \frac{a^3\sqrt{3}}{6}$

Gọi H là trung điểm SD

$$S_{\triangle SBD} = \frac{1}{2} \cdot BH \cdot SD = \frac{1}{2} \cdot \frac{\sqrt{7}}{2} \cdot \sqrt{2} \cdot a^2 = \frac{\sqrt{7}a^2}{2}$$

$$\rightarrow h' = d(C; (SBD)) = \frac{3V_{C.SBD}}{S_{\triangle SBD}} = \frac{\sqrt{21}}{7} a.$$

Gọi G là trọng tâm tam giác SBC ,

$$d(G; (SBD)) = \frac{1}{3} d(C; (SBD)) = \frac{h'}{3} = \frac{\sqrt{21}}{21} a.$$

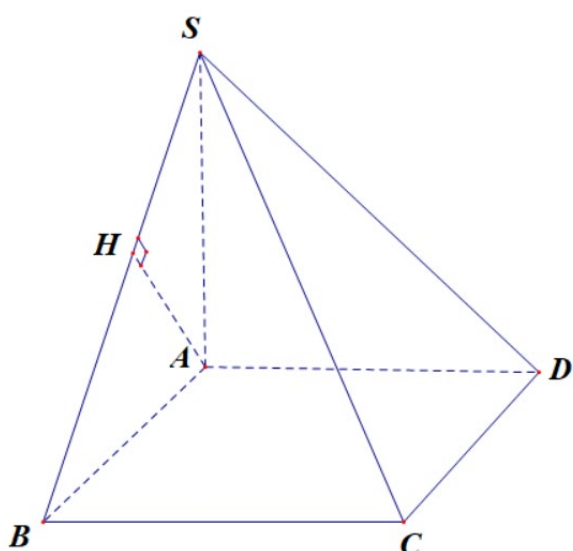
0,25

0,25

ĐÁP ÁN TỰ LUẬN

MÃ ĐỀ :102+104

Bài	NỘI DUNG	Điểm
1	Bài 1: a) Tính đạo hàm của hàm số $y = x^5 + \sqrt{7x-2}$.	

(1Đ)	b) Cho hàm số $y = x^2 - 4x - 1$ có đồ thị (C). Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C) tại điểm $M(1; -4)$.	
	Giải: a) Ta có : $y' = 5x^4 + \frac{7}{2\sqrt{7x-2}}$ b) Ta có : $y' = 2x - 4 \Rightarrow y'(1) = -2$. PT tiếp tuyến cần tìm là: $y = -2(x - 1) - 4 = -2x - 2$	0,25*2 0,25*2
2 (0,5Đ)	Bài 2: Giải phương trình sau: $\log_2(3x + 2) - 2 = 0$.	
	Ta có: $\log_2(3x + 2) = 2 \Leftrightarrow 3x + 2 = 4$ $\Leftrightarrow x = \frac{2}{3}.$	0,25 0,25
3 1,5đ	Bài 3: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật với $AB = a\sqrt{3}$, $AD = a$. Cạnh $SA = a\sqrt{3}$ và vuông góc với mặt đáy $(ABCD)$. a) Tính Thể tích khối chóp $S.ABCD$. b) Tính góc tạo bởi đường thẳng SD và mặt phẳng $(ABCD)$. c) Gọi G là trọng tâm tam giác SCD, tính khoảng cách từ G đến mặt phẳng (SBD).	
		

	a) Ta có $SA \perp (ABCD)$ Thể tích khối chóp $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} SA.S_{ABCD} = \frac{1}{3} a\sqrt{3}.a.a\sqrt{3} = a^3$	(0,25*2)
	b) Ta có $SA \perp (ABCD)$ nên hình chiếu của SD lên $(ABCD)$ là AD. Góc tạo bởi SD và $(ABCD)$ là $\widehat{SDA}$. $\tan \widehat{SDA} = \frac{SA}{AD} = \sqrt{3} \rightarrow \widehat{SDA} = 60^\circ$.	0,25 0,25
	c) Ta có: $V_{C.SBD} = V_{S.BCD} = \frac{1}{2} V_{S.ABCD} = \frac{a^3}{2}$. Gọi H là trung điểm SB $S_{\triangle SBD} = \frac{1}{2}.DH.SB = \frac{1}{2}.\sqrt{\frac{5}{2}}.\sqrt{6}.a^2 = \frac{\sqrt{15}a^2}{2}$ $\rightarrow h' = d(C;(SBD)) = \frac{3V_{C.SBD}}{S_{\triangle SBD}} = \frac{\sqrt{15}}{5}a$. Gọi G là trọng tâm tam giác SBC, $d(G;(SBD)) = \frac{1}{3}d(C;(SBD)) = \frac{h'}{3} = \frac{\sqrt{15}}{15}a$.	0,25 0,25